

Bản án số: 191/2017/HC-PT
Ngày 17 tháng 8 năm 2017
V/v: “Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình;

Ông Đặng Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 163/2016/HC-PT ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 238/2016/HC-ST ngày 18 tháng 03 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 610/QĐXX-PT ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Trang Hồng H, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: 246 BV, phường PNL, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện ủy quyền của bà Hương: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1976 (có mặt),

Địa chỉ: 163/15/7F Tô Hiến Thành, Phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (Vắng mặt – có văn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quang C – Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 1 (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ NLQ1(Vắng mặt – có văn xin xin xét xử vắng mặt).

2/ NLQ2(Vắng mặt – có văn xin xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 47 LD, phường BN, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người kháng cáo:** Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 02/02/1980, ông Phạm Văn Đ được Trường Sư phạm thể dục Trung ương số 2 cấp cho căn nhà ở tọa lạc tại số 2Bis (căn số 4) đường ĐTH, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích thực tế là 27,1m² theo Quyết định giao nhà số 008/QĐGN. Năm 1992, ông Đ xin hợp thức hóa căn nhà nêu trên. Trong thời gian xin hợp thức hóa căn nhà, ngày 04 tháng 11 năm 1994 ông Phạm Văn Đ sang nhượng bằng giấy tay cho bà Trang Hồng H theo hiện trạng sử dụng đất là 27,1m².

Thực hiện Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị xây dựng Trường Trung học phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao tại phường ĐK, Quận 1, ngày 30 tháng 10 năm 2007, NLQ2 ban hành Quyết định số 1075/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ phần nhà, đất diện tích 27,1m² của bà Trang Hồng H.

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 654/PA-HĐDA ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng Trường Trung học phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao được phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009 của NLQ2. Ngày 10 tháng 5 năm 2010, NLQ2 ban hành Quyết định số 2324/QĐ-UBND có nội dung không bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất cho hộ bà Trang Hồng H; bà H chỉ được hỗ trợ về chi phí di chuyển và bồi thường về tài sản (01 điện thoại thuê bao) với tổng số tiền là 3.250.000 đồng.

Ngày 20 tháng 6 năm 2013, NLQ2 ban hành Quyết định số 913/QĐ-UBND bổ sung chi phí hỗ trợ thiệt hại kinh doanh cho bà Trang Hồng H với tổng số tiền là 100.324.287 đồng.

Do bà H có đơn khiếu nại nên ngày 11 tháng 12 năm 2013 NLQ1 ban hành Quyết định số 1980/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà Trang Hồng H như sau: *“Giữ nguyên Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 và Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2013 của NLQ2.*

Không công nhận nội dung đơn của bà Trang Hồng H khiếu nại Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của NLQ2 vì không có cơ sở pháp luật.”.

Bà Trang Hồng H không đồng ý với Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của NLQ1, nên ngày 22 tháng 3 năm 2014 bà H có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân Thành phố với nội dung khiếu nại như sau: Yêu

cầu được bồi thường, hỗ trợ đối với căn nhà số 02 Bis đường ĐTH, phường ĐK, Quận 1 theo diện nhà thuộc sở hữu Nhà nước có giấy tờ hợp lệ được tính bằng 60% đơn giá đất ở.

Ngày 09/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ra Quyết Định số 1615/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H giữ nguyên Quyết định trước đây của NLQ2.

Ngày 12/5/2015, bà Trang Hồng H khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy Quyết Định số 1615/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Người khởi kiện là bà Trang Hồng H có ông Nguyễn Phúc T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H nhận chuyển nhượng nhà của ông được năm 1994, nhưng Ban bồi thường Quận 1 xác định bà H không được bồi thường là không đúng.

Căn cứ Điểm g và h Khoản 2 Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, bà H phải được bồi thường 60% theo giá trị đền bù, mức giá hiện nay khoảng trên 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng/m², ước tính tổng giá trị bồi thường khoảng 1,6 tỷ đồng.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có bà Lê Thị Thanh T1 và bà Phan Thị Trần L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2015:

Xét căn nhà số 4 diện tích 27,1m² trong khu tập thể số 02 Bis đường ĐTH, Phường ĐK, Quận 1 do bà Trang Hồng H quản lý, sử dụng có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước. Ngày 02 tháng 2 năm 1980 Trường Sư phạm Thể dục Trung ương số 2 có Quyết định giao nhà số 008/QĐ-GN cho ông Phạm Văn Đ. Năm 1992, ông Đ xin hợp thức hóa căn nhà nêu trên. Trong thời gian xin hợp thức hóa căn nhà, ngày 04 tháng 11 năm 1994 ông Phạm Văn Đ sang nhượng bằng giấy tay cho bà Trang Hồng H theo hiện trạng sử dụng đất là 27,1m². Bà H sử dụng đến thời điểm bị thu hồi thực hiện dự án mà không có ký hợp đồng thuê nhà với Công ty Quản lý nhà Quận 1 (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 1). Ngày 08 tháng 10 năm 2014, Tổ Công tác dự án có kiểm tra hiện trạng đối với căn nhà 02Bis đường ĐTH do bà Trang Hồng H đang sử dụng, theo đó ghi nhận: Hiện trạng của căn nhà không còn nữa, chủ hộ đã tự ý tháo dỡ kết cấu căn hộ; phần mặt bằng của căn hộ này đã được hợp chung vào trong khuôn viên nhà đất của bà Trang Hồng T2 để sử dụng làm quán ăn (Nhà hàng Hoa Lư). Tổ Công tác ghi nhận số liệu diện tích theo bản vẽ hiện trạng căn nhà do Sở Nhà đất cấp năm 1992 là 27,1m².

Theo Điều 32 Pháp lệnh nhà ở số 51-LCT/HĐNN8 ngày 06 tháng 4 năm 1991 của Hội đồng Nhà nước quy định về quyền mua bán nhà ở, theo Điểm 4 Công văn 806/BXD-QLN ngày 31/5/1995 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/CP của Chính phủ thì “Nhà ở thuộc quyền sở hữu Nhà nước nhưng bên thuê đã chuyển nhượng quyền thuê cho người khác, thì xử lý như sau: Nếu việc chuyển nhượng quyền thuê nhà là tự nguyện, không có tranh chấp,

bên thuê nhà đã chuyển đi chỗ khác, người nhận lại quyền thuê nhà đã đến ở và không có chỗ ở khác thì cho phép làm thủ tục chuyển hợp đồng thuê cho người đang ở” và theo Điểm 3 Mục II Hướng dẫn số 1596/HD-SXD-QLN ngày 14 tháng 3 năm 2006 của Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc giải quyết hồ sơ hợp pháp hóa chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố quy định về điều kiện để chuyển quyền thuê nhà ở đối với bên nhận quyền thuê nhà có nêu: “Không đứng tên sở hữu nhà tư nhân tại thời điểm chuyển quyền thuê nhà và chưa được hưởng chính sách về nhà ở, đất ở (kể cả vợ chồng) và chỉ được giải quyết nhận chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước 01 lần”, thì chỉ chủ sở hữu nhà ở mới có quyền bán nhà ở, nên việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng nhà thuộc sở hữu Nhà nước nêu trên là không đúng quy định pháp luật, dẫn đến không đủ điều kiện để được chuyển quyền thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Trường hợp bà Trang Hồng H và chồng là ông Đào Ngọc L đã đứng tên chủ sở hữu Căn nhà số 246 đường BV, phường PNL, Quận 1 theo Giấy phép Mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 485/GPUB ngày 24 tháng 5 năm 1989 của NLQ2 (đã được cấp đổi thành Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 2115/2007/UB-GCN ngày 06 tháng 7 năm 2007). Đến ngày 04 tháng 11 năm 1994, bà Trang Hồng H có Hợp đồng thỏa thuận nhận sang nhượng lại Căn nhà số 02 Bis (căn số 04) do ông Phạm Văn Đ đang được Nhà nước cho thuê. Do bà Trang Hồng H đã đứng tên sở hữu nhà tư nhân trước khi nhận sang nhượng lại căn nhà số 02 Bis đường ĐTH phường ĐK Quận 1 nên bà H không đủ điều kiện để nhận chuyển quyền sang thuê căn nhà nêu trên.

Theo Điểm b Khoản 8 Điều 23 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo Điểm b Mục 6 Phần VI Phương án số 654/PA-HĐDB ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng Bồi thường mất bằng dự án (được NLQ1 phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009) quy định: *“Đối với trường hợp người sử dụng nhà ở có nguồn gốc do sang thuê lại của người đang thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thì giải quyết như sau: Trường hợp người đang sử dụng nhà không đủ điều kiện để chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; hoặc đủ điều kiện để chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nhưng không đủ điều kiện để mua căn nhà này theo Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ mà phải mua theo giá thị trường thì không được tính hỗ trợ về nhà và đất”,* việc NLQ2 căn cứ Phương án không chiết tính bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất cho hộ bà Trang Hồng H là đúng quy định. Việc bà Trang Hồng H yêu cầu được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với Căn nhà số 02 Bis (căn số 4) đường ĐTH theo diện nhà thuộc sở hữu Nhà nước có giấy tờ hợp lệ được tính bằng 60% đơn giá đất ở là không có cơ sở pháp luật để xem xét.

Từ những cơ sở trên, ngày 09 tháng 4 năm 2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Trang Hồng H theo hướng:

Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1980/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của NLQ1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trang Hồng H là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là NLQ1 và NLQ2 có ông Đỗ Đình H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ hồ sơ sử dụng nhà và pháp lý dự án, NLQ2 có ý kiến như sau:

Căn cứ Điểm b Mục VI Phần VI Phương án số 654/PA-HĐĐB ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án (được NLQ1 phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009), quy định: *“Đối với trường hợp người sử dụng nhà ở có nguồn gốc do sang thuê lại của người đang thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thì giải quyết như sau: Trường hợp người đang sử dụng nhà không đủ điều kiện để chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; hoặc đủ điều kiện để chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nhưng không đủ điều kiện để mua căn nhà này theo Nghị định 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ mà phải mua theo giá thị trường thì không được tính hỗ trợ về nhà, đất”.*

Căn nhà số 2 Bis ĐTH, phường ĐK, Quận 1 có nguồn gốc sở hữu nhà nước, bà Trang Hồng H nhận sang nhượng bằng giấy tay, không ký hợp đồng thuê nhà với cơ quan quản lý nhà. Bà Trang Hồng H đã đứng tên nhà sở hữu tư nhân tại Căn nhà số 246 đường BV, phường PNL, Quận 1.

Căn cứ Điểm 3 Mục II Hướng dẫn số 1596/HD-SXD-QLN ngày 14 tháng 3 năm 2006 của Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc giải quyết hồ sơ hợp pháp hóa chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố quy định về điều kiện để chuyển quyền thuê nhà ở đối với bên nhận quyền thuê nhà có nêu: *“Không đứng tên sở hữu nhà tư nhân tại thời điểm chuyển quyền thuê nhà và chưa được hưởng chính sách về nhà ở, đất ở (kể cả vợ chồng) và chỉ được giải quyết nhận chuyển quyền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước 01 lần”.*

Xét pháp lý sử dụng và quy định nêu trên, ngày 20 tháng 10 năm 2009 Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã thống nhất: Trường hợp bà Trang Hồng H do đã đứng tên nhà sở hữu tư nhân nên không đủ điều kiện nhận chuyển quyền thuê Căn nhà số 2 Bis ĐTH, phường ĐK, Quận 1, không xét hỗ trợ về nhà và đất bị thu hồi, chỉ được xem xét hỗ trợ chi phí di chuyển và chi phí ổn định đời sống.

Ngày 10 tháng 5 năm 2010, NLQ2 ban hành Quyết định số 2324/QĐ-UBND không bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất cho hộ bà Trang Hồng H để thu hồi đất tại địa chỉ số 2Bis ĐTH, phường ĐK, Quận 1; bà H chỉ được hỗ trợ về chi phí di chuyển và bồi thường về tài sản với tổng số tiền là 3.250.000 đồng.

Ngoài ra, bà Trang Hồng H đứng tên kinh doanh ngành ăn uống tại địa chỉ số 2 Bis đường ĐTH (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 01.01784.DK/HKD ngày 27 tháng 6 năm 2000 của NLQ2) và được Chi cục thuế Quận 1 xác nhận doanh thu đóng thuế.

Căn cứ quy định tại Điểm b Mục 3 Phần VIII Phương án số 654/PA-HĐDB ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án về chính sách hỗ trợ đối với hộ đang sản xuất kinh doanh có giấy phép hoặc có đăng ký kinh doanh còn hiệu lực và có thực hiện nghĩa vụ thuế thì được hỗ trợ thiệt hại kinh doanh.

Trên cơ sở đó, ngày 20 tháng 6 năm 2013 NLQ2 ban hành Quyết định số 913/QĐ-UBND bổ sung chi phí hỗ trợ thiệt hại kinh doanh cho bà Trang Hồng H với tổng số tiền là 100.324.287 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ bà Trang Hồng H được nhận là: 103.574.287 đồng (3.250.000 đồng + 100.324.287 đồng).

Do bà Trang Hồng H không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 1 đã gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên vào Ngân hàng VietinBank chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo quyền lợi cho hộ dân.

Như vậy, chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Trang Hồng H khi nhà nước thu hồi đất tại địa chỉ số 2 Bis đường ĐTH, đã được xem xét giải quyết đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, xét trường hợp bà Trang Hồng H không đủ điều kiện hỗ trợ như nhà sở hữu nhà nước, nhưng thực tế bà H đã tự bỏ tiền để nhận sang nhượng và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp, nên khi giải quyết chính sách cần có mức hỗ trợ để làm cơ sở vận động là phù hợp thực tế, đồng thời tạo thêm điều kiện cho người dân tự nguyện chấp hành, sớm ổn định cuộc sống.

Vì vậy, ngày 21 tháng 4 năm 2014 NLQ2 có Công văn số 841/UBND-BBT kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chấp thuận hỗ trợ 60% giá trị nhà, đất cho hộ bà Trang Hồng H, đến nay chưa có kết quả.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 238/2016/HCST ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Áp dụng Khoản 1 điều 28, Khoản 1 Điều 29, Điều 103, Điều 104, Điều 54, Điểm b Khoản 2 Điều 163 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 01/7/2009 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Hồng H.

Hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Trang Hồng H.

Kiến nghị NLQ2, NLQ1 xem xét lại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1980/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của NLQ1, Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2013 của NLQ2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 31 tháng 3 năm 2016, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Người khởi kiện bà Trang Hồng H có ông Nguyễn Phúc T đại diện đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/1980, ông Phạm Văn Đ được Trường Sư phạm thể dục trung ương 2 cấp cho căn nhà tọa lạc số 02Bis đường ĐTH, phường ĐK, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1994, sang nhượng bằng giấy tay cho bà Trang Hồng H.

Ngày 30/10/2007, NLQ2 ban hành quyết định số 1075/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ phần đất của bà H để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị xây dựng Trường Trung học phổ thông Năng khiếu Thể dục Thể thao.

Ngày 20/6/2013, NLQ2 ban hành Quyết định số 913/QĐ-UBND bổ sung chi phí hỗ trợ thiệt hại kinh doanh cho bà Trang Hồng H với tổng số tiền là 100.324.287 đồng.

Do bà H có khiếu nại nên ngày 11/12/2013, NLQ1 ban hành Quyết định 1980/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Hương, giữ nguyên Quyết định của NLQ2.

Không đồng ý với quyết định trên bà H khiếu nại lên Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ngày 09/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ra Quyết định 1615/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H, giữ nguyên quyết định của NLQ2.

Bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Quyết định 1615/QĐ-UBND ngày 09/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Căn cứ Luật tổ chức Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định 1615/QĐ-UBND ngày 09/5/2015 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung của quyết định:

Căn nhà số 4, diện tích 27,1 m² trong khu tập thể số 02Bis ĐTH, phường ĐK, quận 1 có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước do ông Phạm Văn Đ sử dụng từ năm 1980. Đến năm 1980, ông Đ sang nhượng cho bà H và bà H quản lý sử dụng cho đến nay. Đại diện NLQ2 xác định ông Đ có làm thủ tục để mua hóa giá căn nhà nói trên từ năm 1992 nhưng chưa thực hiện xong. Bà H là người sử dụng căn nhà từ năm 1994 đến nay, không có ai tranh chấp, NLQ2 cũng đã có văn bản số 841/UBND-BBT ngày 21/4/2014 kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chấp thuận hỗ trợ 60% giá trị nhà đất cho bà H.

Như vậy cơ quan chủ quản xác định có việc chuyển nhượng nhà đất giữa ông Phạm Văn Đ với bà Trang Hồng H. Theo hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa ông Đ với bà H có thỏa thuận khi nào ông Đ làm xong thủ tục hóa giá nhà thì sẽ chuyển quyền sở hữu cho bà H. Vì điều kiện khách quan, do ông Đ chưa làm xong thủ tục thì đã chuyển đi đâu không rõ nên không thể tiếp tục thực hiện như đã cam kết. Tuy nhiên, bà Hương sử dụng nhà liên tục từ năm 1994 đến nay và không có tranh chấp; do đó, bà H được hưởng các quyền lợi, nghĩa vụ của người mua nhà theo quy định của Nhà nước. Vì vậy, NLQ2 ban hành quyết định 913/QĐ/UBND ngày 20/6/2013 có nội dung không hỗ trợ nhà đất cho bà H bị thu hồi là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định 1615 ngày 09/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H để giải quyết lại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Phía người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đưa ra được căn cứ nào mới do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 238/2016/HCST ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Khoản 1 điều 28, Khoản 1 Điều 29, Điều 103, Điều 104, Điều 54, Điểm b Khoản 2 Điều 163 của Luật Tổ tụng hành chính;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Hồng H.

Hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trang Hồng H.

Kiến nghị NLQ2, NLQ1 xem xét lại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1980/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của NLQ1, Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2013 của NLQ2.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp 200.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp tại biên lai số 02821 ngày 20/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THA DS TP. Hồ Chí Minh (1);
- NKK(1);
- NBK (1);
- NLQ (2);
- Lưu VP (3) HS (2). 14b. (ÁN 09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Ba